

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

☆☆☆

**HỢP ĐỒNG CHO VAY**

Số: .....

*Chúng tôi gồm:*

▪ **Bên Cho Vay: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh/Phòng Giao dịch**

.....

- Mã số doanh nghiệp: .....do Sở KH&ĐT .....cấp lần đầu ngày  
...../...../....., đăng ký bổ sung lần .....vào ngày ...../...../.....

- Địa chỉ trụ sở:.....

- Điện thoại : .....- Fax: .....

- Đại diện theo ủy quyền: Ông/Bà: .....- Chức vụ:.....

*Sau đây gọi là **Bên Ngân hàng/VPBank***

▪ **Bên Vay: Ông.....và Bà .....**

- Hộ khẩu thường trú:.....

- Địa chỉ hiện tại:.....

- Giấy CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD: Ông..... mang Giấy CMND/Hộ chiếu/Thẻ  
CCCD số ..... do ..... cấp ngày ...../...../.....; Bà ..... mang  
Giấy CMND/Hộ chiếu/Thẻ CCCD số .....do .....cấp ngày  
...../...../.....

- Điện thoại nhà riêng: .....- Điện thoại di động: .....

- Email (nếu có):.....

*Đã thỏa thuận và nhất trí ký kết Hợp đồng cho vay này với các nội dung như sau:*

**Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ**

Trong Hợp Đồng này, trừ trường hợp ngữ cảnh có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Bên vay:** Là Cán bộ nhân viên đang làm việc tại Công ty ..... và đáp ứng các điều kiện để được Bên Ngân hàng quyết định Cho vay CBNV theo các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng này.
2. **Công ty:** Là Công ty ....., có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ..... do .....cấp lần đầu ngày ..... - nơi Bên vay đang làm việc tại thời điểm ký Hợp Đồng này.
3. **Cho vay CBNV:** Là việc Bên Ngân hàng cho vay đối với Bên vay trên cơ sở Bên vay là Cán bộ nhân viên đang làm việc tại Công ty và đáp ứng các điều kiện về Cho vay cán bộ nhân

viên của Bên Ngân hàng tại Hợp Đồng này và các quy định liên quan của Bên Ngân hàng tùy từng thời kỳ. Trường hợp Bên vay không còn đáp ứng các điều kiện để được Cho vay CBNV theo quy định của Hợp Đồng này và quy định của Bên Ngân hàng, Bên vay tùy từng trường hợp sẽ không hoặc không tiếp tục được áp dụng các quy định về Cho vay CBNV của Bên Ngân hàng.

4. **Lãi suất cho vay CBNV:** Là một loại lãi suất cho vay trong hạn mà Bên Ngân hàng áp dụng cho Khoản vay CBNV của Bên vay theo Hợp Đồng này, được tính bằng lãi suất bán vốn VND tương ứng với thời hạn vay của Hợp Đồng này và kỳ điều chỉnh lãi suất theo quý được Bên Ngân hàng thông báo tại thời điểm cho vay hoặc thời điểm điều chỉnh lãi suất trừ đi (-) Biên độ lãi suất cho vay CBNV áp dụng đối với Bên vay theo quy định của Bên Ngân hàng, nhưng lãi suất cho vay tối thiểu là .....
5. **Biên độ lãi suất cho vay CBNV:** Là biên độ lãi suất cho vay do Bên Ngân hàng áp dụng đối với Bên vay tương ứng với cấp bậc công việc của Bên vay tại Công ty tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này với mức ...%. Biên độ lãi suất cho vay CBNV này được trừ vào lãi suất bán vốn VND tương ứng với thời hạn vay của Hợp Đồng này và kỳ điều chỉnh lãi suất theo quý được Bên Ngân hàng thông báo tại thời điểm cho vay hoặc thời điểm điều chỉnh lãi suất để xác định Lãi suất cho vay. Trong thời hạn vay theo Hợp Đồng này, nếu chức danh, bậc công việc của Bên vay tại Công ty có sự điều chỉnh thì Biên độ lãi suất cho vay CBNV áp dụng đối với Bên vay cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng với chức danh, bậc công việc mới đó của Bên vay theo quy định của Bên Ngân hàng. Bên vay có trách nhiệm ký Cam kết làm việc lâu dài mới theo quy định tại Khoản 4, Điều 2 Hợp Đồng này.
6. **Cam kết làm việc lâu dài:** Là cam kết của Bên vay về thời gian làm việc lâu dài và đạt kết quả tốt tại Công ty như quy định tại Khoản 4, Điều 2 Hợp Đồng này. Cam kết làm việc lâu dài là một trong các điều kiện cho vay bắt buộc áp dụng đối với Bên vay.
7. **Đánh giá kết quả làm việc:** Là việc xem xét đánh giá của Công ty về kết quả làm việc của Bên vay theo quy định của Công ty trong từng thời kỳ ("**Kỳ đánh giá**"). Các mức xếp loại đánh giá nhân sự bao gồm: Xuất Sắc; Hoàn Thành Tốt, Hoàn Thành, Cần Cố Gắng, Không Hoàn Thành, hoặc các mức xếp loại tương đương khác theo quy định của Công ty từng thời kỳ. Đây là một trong các căn cứ để Bên Ngân hàng quyết định cho vay theo Hợp Đồng này, điều chỉnh Lãi suất cho vay CBNV và áp dụng các biện pháp khác đối với Bên vay theo quy định tại Hợp Đồng này.
8. **Xếp hạng tín dụng:** Là kết quả đánh giá của Bên Ngân hàng đối với Khách hàng có quan hệ tín dụng với Bên Ngân hàng về mức độ rủi ro tín dụng, theo đó Khách hàng được đánh giá xếp hạng tín dụng theo nhiều mức như xuất sắc, tốt, trung bình hoặc mức khác theo quy định của Bên Ngân hàng từng thời kỳ, từ đó đưa ra mức lãi suất cho vay khác nhau áp dụng đối với các nhóm Khách hàng có kết quả đánh giá khác nhau.
9. **Khoản vay CBNV:** Là khoản vay của Bên vay đáp ứng các điều kiện về Cho vay CBNV theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định của Bên Ngân hàng.
10. **Khoản vay thông thường:** Là khoản vay của Khách hàng có Xếp hạng tín dụng "trung bình" theo quy định về Xếp hạng tín dụng của Bên Ngân hàng trong từng thời kỳ.
11. **Kỳ trả nợ:** Là các khoảng thời gian mà cuối mỗi khoảng thời gian đó Bên vay phải trả nợ

cho Bên Ngân hàng. Kỳ trả nợ được quy định cụ thể tại (các) Khế ước nhận nợ.

12. **Tiền lãi bổ sung:** Là khoản tiền lãi Bên vay có nghĩa vụ thanh toán bổ sung cho Bên Ngân hàng trong các trường hợp như quy định tại Hợp Đồng này. Tiền lãi bổ sung được xác định theo công thức quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 4 Hợp Đồng này.
13. **Tiền lãi vay:** Là khoản tiền lãi Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng theo Hợp Đồng này. Tiền lãi vay bao gồm khoản tiền lãi được thu theo mức Lãi suất cho vay CBNV (quy định tại Khoản 4 Điều này) và Tiền lãi bổ sung (quy định tại Khoản 12 Điều này).
14. **Điều Kiện Giao Dịch Chung:** Là bản Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank, được Bên Ngân hàng niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Điều Kiện Giao Dịch Chung là những điều khoản ổn định do Bên Ngân hàng công bố từng thời kỳ để áp dụng chung cho các Khách hàng cá nhân vay từng lần và/hoặc vay theo hạn mức có tài sản bảo đảm tại Bên Ngân hàng. Nếu Bên vay chấp nhận ký kết Hợp Đồng thì được coi là đồng thời chấp nhận các điều khoản tại Điều Kiện Giao Dịch Chung.
15. **Hợp Đồng:** Là Hợp đồng cho vay này.

## **Điều 2. Thỏa Thuận Về Cho Vay**

1. Số tiền cho vay: .....(Bằng chữ:.....)
2. Thời hạn cho vay:.....(Bằng chữ: .....), tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay.
3. Mục đích sử dụng vốn vay:.....
4. Điều kiện và phương thức giải ngân:
  - a) Điều kiện giải ngân:
    - i. Thực hiện theo quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung.
    - ii. Ngoài các điều kiện giải ngân nêu trên, Bên Ngân hàng chỉ giải ngân cho Bên vay sau khi Bên vay ký Cam kết làm việc lâu dài với thời gian cam kết tối thiểu là: ..... năm tính từ ngày giải ngân số tiền vay đầu tiên theo Hợp Đồng này (“**Thời gian cam kết làm việc**”). Trong thời hạn vay theo Hợp Đồng này, nếu chức danh, bậc công việc của Bên vay tại Công ty có sự điều chỉnh thì Thời gian cam kết làm việc nêu trên cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng với chức danh, bậc công việc mới đó của Bên vay theo quy định của Công ty. Trong trường hợp điều chỉnh dẫn tới Bên vay thuộc đối tượng phải cam kết thời hạn làm việc dài hơn, Bên vay có nghĩa vụ ký Cam kết làm việc lâu dài mới theo quy định của Công ty. Trường hợp điều chỉnh dẫn tới Bên vay thuộc đối tượng cam kết thời hạn làm việc ngắn hơn, hoặc không thay đổi Thời gian cam kết làm việc, Bên vay thực hiện theo Cam kết làm việc lâu dài đã ký. Trong trường hợp Hợp Đồng lao động đã ký kết giữa Bên vay và Công ty hết hạn trong Thời gian cam kết làm việc, Bên vay có nghĩa vụ ký tiếp Hợp Đồng lao động với Công ty nếu Công ty có nhu cầu.
  - b) Bên Ngân hàng giải ngân cho Bên vay nhiều lần theo phương thức được quy định tại

mỗi Khế ước nhận nợ. Bên vay phải rút vốn vay lần đầu chậm nhất vào ngày ....., sau thời hạn này, Bên vay chỉ được rút vốn nếu được Bên Ngân hàng chấp thuận.

5. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần.
6. Trả nợ gốc, lãi tiền vay: Bên vay phải thanh toán nợ gốc, lãi của khoản vay cho Bên Ngân hàng theo đúng thời hạn quy định tại (các) Khế ước nhận nợ được ký kết giữa Các Bên và/hoặc các văn bản liên quan.
7. Lãi suất cho vay, phí: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Hợp Đồng này.
8. Chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn: Các Bên thống nhất rằng Bên Ngân hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) chấm dứt cho vay, dừng giải ngân và thu hồi toàn bộ dư nợ vay còn lại của Bên vay trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:
  - a) Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Bên Ngân hàng (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ theo bất kỳ Kỳ trả nợ gốc, Kỳ trả nợ lãi nào) theo thỏa thuận giữa Bên Ngân hàng và Bên vay tại Hợp Đồng, (các) Khế ước nhận nợ, Điều Kiện Giao Dịch Chung và các văn bản thỏa thuận liên quan;
  - b) Trường hợp khoản vay bị quá hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Hợp Đồng này.
  - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Hợp Đồng này và Điều Kiện Giao Dịch Chung.
9. Các Bên đồng ý rằng, các thỏa thuận khác liên quan tới khoản vay của Bên vay không được quy định trong Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn thỏa thuận về điều kiện giải ngân, nợ quá hạn và chậm thanh toán tiền lãi, chấm dứt cho vay thu hồi nợ trước hạn, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, quyền và nghĩa vụ của Các Bên,... được thực hiện theo Điều Kiện Giao Dịch Chung, Khế ước nhận nợ, các văn bản thỏa thuận khác giữa Bên Ngân hàng và Bên vay và quy định của pháp luật.
10. Bên vay đồng ý rằng Bên Ngân hàng có quyền tự động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Bên vay tại Bên Ngân hàng, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại Bên Ngân hàng hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho Bên vay trích tiền chuyển cho Bên Ngân hàng để thu hồi các khoản nợ gốc, lãi tiền vay, phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, bồi thường cho Bên Ngân hàng theo Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ, (các) Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) và Điều Kiện Giao Dịch Chung hoặc bất cứ khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán nào khác của Bên vay đối với Bên Ngân hàng theo các cam kết, thỏa thuận hoặc văn bản khác ký kết giữa Bên Ngân hàng và Bên vay (bao gồm cả trường hợp Bên vay đề nghị trả nợ trước hạn).
11. Căn cứ quy định pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan, Các Bên cùng bàn bạc, thống nhất thỏa thuận về việc cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng như sau: Bên vay đồng ý cho Bên Ngân hàng cung cấp thông tin tín dụng của Bên vay tại Bên Ngân hàng cho bất kỳ công ty, tổ chức nào hoạt động trong lĩnh vực thông tin tín dụng ("**Công ty thông tin tín dụng**") mà Bên Ngân hàng là tổ chức tham gia. Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này, Bên Ngân hàng đã thông báo với Bên vay thông tin về Công ty thông tin tín dụng và các vấn đề khác liên quan đến việc cung cấp, xử lý, sử dụng thông tin tín dụng của Bên vay tại Bên Ngân hàng, chi tiết được quy định chi tiết tại Điều Kiện Giao Dịch Chung.

12. Các thỏa thuận khác: .....

### **Điều 3. Lãi Suất Cho Vay Và Phí**

1. Lãi suất cho vay (trong hạn): Lãi suất cho vay bao gồm Lãi suất cho vay CBNV và Lãi suất bổ sung. Lãi suất bổ sung được xác định theo quy định tại Tiết i, Điểm a, Khoản 1, Điều 4 Hợp Đồng này. Lãi suất cho vay CBNV được quy định cụ thể tại (các) Khế ước nhận nợ và được điều chỉnh như sau:
  - a) Điều chỉnh định kỳ mỗi quý 01 lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý tiếp theo (“**Kỳ điều chỉnh**”) theo nguyên tắc Lãi suất cho vay bằng lãi suất bán vốn VND tương ứng với thời hạn cho vay của Hợp Đồng này và kỳ điều chỉnh lãi suất theo quý được Bên Ngân hàng thông báo tại thời điểm điều chỉnh lãi suất trừ Biên độ lãi suất cho vay CBNV.
  - b) Cơ chế điều chỉnh lãi suất theo Đánh giá kết quả làm việc: Trong thời gian vay vốn, Bên vay có thể bị điều chỉnh Biên độ lãi suất cho vay CBNV trên cơ sở Đánh giá kết quả làm việc theo quy định sau:
    - i. Nếu Bên vay có Đánh giá kết quả làm việc đạt dưới mức “Hoàn thành” hoặc mức khác tương đương “Hoàn thành” theo quy định đánh giá hiệu quả làm việc của Công ty trong từng thời kỳ: Biên độ lãi suất cho vay CBNV sẽ bị giảm đi 02%/năm, cho đến khi được điều chỉnh tiếp theo quy định tại Tiết ii, iii và iv dưới đây.
    - ii. Nếu Kỳ đánh giá tiếp theo ngay sau kỳ có kết quả Đánh giá kết quả làm việc dưới mức “Hoàn thành” hoặc mức khác tương đương “Hoàn thành” theo quy định của Công ty, Bên vay có kết quả đánh giá đạt từ mức “Hoàn thành” hoặc tương đương “Hoàn thành” trở lên theo quy định của Công ty thì Biên độ lãi suất cho vay CBNV áp dụng đối với Bên vay sẽ được điều chỉnh về Biên độ lãi suất cho vay CBNV như quy định tại Khoản 5 Điều 1 Hợp Đồng này.
    - iii. Nếu Bên vay bị xếp loại dưới mức “Hoàn thành” hoặc mức khác tương đương “Hoàn thành” từ 2 Kỳ đánh giá liên tiếp trở lên thì Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh thành mức lãi suất cho vay áp dụng đối với Khoản vay thông thường theo quy định của VPBank cho đến khi Bên vay được xếp hạng từ mức “Hoàn thành” hoặc mức khác tương đương “Hoàn thành” trở lên trong các Kỳ đánh giá tiếp theo.
    - iv. Biên độ lãi suất cho vay CBNV đối với các trường hợp quy định tại Tiết i, ii, iii Điểm b này được áp dụng kể từ Kỳ điều chỉnh lãi suất tiếp theo sau ngày Bên Ngân hàng nhận được thông báo của Công ty về kết quả Đánh giá kết quả làm việc của Bên vay.
  - c) Cơ chế điều chỉnh lãi suất trong trường hợp điều chỉnh chức danh, bậc công việc:
    - i. Trong thời hạn vay của Khoản vay CBNV theo Hợp Đồng này, nếu chức danh, bậc công việc của Bên vay tại Công ty có sự điều chỉnh thì Biên độ lãi suất cho vay CBNV áp dụng đối với Bên vay cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng với chức danh, bậc công việc mới đó của Bên vay theo quy định của Bên Ngân hàng.
    - ii. Biên độ lãi suất cho vay CBNV đối với trường hợp nêu tại Tiết i, Điểm c này áp dụng kể từ Kỳ điều chỉnh lãi suất tiếp theo sau ngày Bên Ngân hàng nhận được

thông báo của Công ty về việc thay đổi chức danh/bậc công việc của Bên vay.

- d) Các Bên thống nhất rằng khi xảy ra các sự kiện điều chỉnh lãi suất như quy định tại Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ và (các) Phụ lục Hợp Đồng (nếu có), Bên Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng nội dung đã thỏa thuận và sẽ thông báo cho Bên vay theo quy định của pháp luật. Bên vay chấp thuận mức lãi suất mới (sau đây trong Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ và (các) Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) được gọi chung là “**Mức lãi suất cho vay điều chỉnh**”) kể từ thời điểm Bên Ngân hàng thực hiện việc điều chỉnh và cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất được điều chỉnh.
- e) Phương pháp tính lãi: Phương pháp tính lãi đối với tiền lãi cho vay CBNV trong hạn, tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc, tiền lãi đối với lãi chậm trả được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày. Số tiền lãi Bên vay phải trả mỗi kỳ được tính theo công thức bằng  $(=) \frac{\sum (\text{Số dư thực tế nhân } (x) \text{ Số ngày duy trì số dư thực tế nhân } (x) \text{ Lãi suất tính lãi})}{365}$ , trong đó Lãi suất tính lãi là mức Lãi suất cho vay CBNV trong hạn, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ, lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc, lãi suất chậm trả áp dụng với tiền lãi chậm trả như được Các Bên thỏa thuận tại Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan. Các yếu tố dùng để tính lãi trong công thức này và các vấn đề khác liên quan đến phương pháp tính lãi thực hiện theo quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung.
- f) Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- g) Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- h) Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng các khoản phí trả nợ trước hạn được quy định tại Hợp Đồng này và (các) Khế ước nhận nợ; và các khoản phí khác theo thỏa thuận cụ thể giữa Các Bên phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Đối với các trường hợp Bên vay trả nợ trước hạn, phí trả nợ trước hạn được xác định theo quy định tại Khoản 3, Điều 4 Hợp Đồng này.

#### **Điều 4. Thỏa Thuận Xử Lý Trong Một Số Trường Hợp Cụ Thể**

- 1. Xử lý khi Bên vay nghỉ việc, bị kỷ luật sa thải và các trường hợp nghỉ việc khác:
  - a) Trường hợp Bên vay đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động với Công ty hoặc bị Công ty đơn phương chấm dứt Hợp Đồng lao động (trừ trường hợp chấm dứt do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế theo quy định của pháp luật) hoặc bị Công ty xử lý kỷ luật bằng hình thức sa thải hoặc sử dụng vốn vay sai mục đích, Các Bên thống nhất xử lý như sau:
    - i. Nếu chưa hết Thời gian cam kết làm việc:

Ngoài khoản tiền lãi được tính theo mức Lãi suất cho vay CBNV, Bên vay phải thanh toán cho Bên Ngân hàng một khoản Tiền lãi bổ sung. Bên Ngân hàng sẽ thực hiện chấm dứt cho vay, ngừng giải ngân và thực hiện thu hồi nợ trước hạn đối với

Bên vay.

- Phương pháp tính lãi đối với Tiền lãi bổ sung Bên vay phải thanh toán:  
Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày, theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi bổ sung} (=) \sum \frac{\text{Số dư thực tế} \times \text{Lãi suất bổ sung} \times \text{Số ngày duy trì số dư thực tế đã áp dụng mức Lãi suất cho vay CBNV}}{365}$$

Trong đó:

- + Lãi suất bổ sung = Biên độ lãi suất cho vay CBNV + 4%/năm, mức lãi suất này được tính theo tỷ lệ % theo năm với một năm là 365 ngày.
- + Thời hạn tính lãi và thời điểm xác định số dư để tính lãi: Thời hạn tính lãi (theo phương pháp tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi) được xác định từ ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đến hết ngày liền kề trước ngày làm việc cuối cùng của Bên vay tại Công ty hoặc đến hết ngày liền kề trước ngày Bên vay tắt toán khoản vay (trừ những ngày Bên vay bị áp dụng lãi suất thông thường theo biểu lãi suất của Bên Ngân hàng do bị xếp loại dưới mức “Hoàn thành” hoặc mức khác tương đương từ 2 Kỳ đánh giá liên tiếp trở lên). Thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.
- + Số dư thực tế: Là số dư cuối ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn mà Bên vay còn phải trả cho Bên Ngân hàng được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.
- + Số ngày duy trì số dư thực tế đã áp dụng mức Lãi suất cho vay CBNV: Là số ngày áp dụng mức Lãi suất cho vay CBNV mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi.
- Trường hợp thời hạn tính từ khi Bên vay nhận giải ngân vốn vay đến khi Bên vay thanh toán khoản tiền Bên Ngân hàng đã giải ngân là dưới một ngày, Các Bên thỏa thuận rằng, thời hạn tính lãi và số ngày duy trì số dư thực tế để tính lãi được xác định là 01 (một) ngày, số dư thực tế dùng để tính lãi là số dư cuối ngày trong thời hạn tính lãi hoặc số dư tại thời điểm Bên vay trả nợ tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước.
- Để làm rõ, mức lãi suất năm tương ứng theo phương pháp tính lãi sử dụng:
  - + Thời hạn tính lãi (theo phương pháp bỏ ngày đầu, tính ngày cuối của thời hạn tính lãi) được xác định từ ngày tiếp theo ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đến hết ngày làm việc cuối cùng của Bên vay tại Công ty hoặc đến hết ngày Bên vay tắt toán khoản vay (trừ những ngày Bên vay bị áp dụng lãi suất thông thường theo biểu lãi suất của Bên Ngân hàng do bị xếp loại dưới mức “Hoàn thành” hoặc mức khác tương đương từ 2 kỳ liên tiếp trở lên); và
  - + Số dư thực tế để tính lãi là số dư đầu ngày tính lãi

BẢNG chính mức lãi suất bổ sung quy định tại Tiết i, Điểm a Khoản này, mức lãi suất quy đổi này không được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Tiết i, Điểm a Khoản này.

- ii. Nếu đã hết Thời gian cam kết làm việc: Tùy thuộc vào lựa chọn của Bên vay và chấp thuận của Bên Ngân hàng, Khoản vay CBNV của Bên vay sẽ được xử lý như sau:
  - Tiếp tục duy trì khoản vay, khi đó Khoản vay CBNV của Bên vay sẽ trở thành Khoản vay thông thường theo quy định tại Hợp Đồng này. Lãi suất cho vay áp dụng đối với Bên vay trong trường hợp này sẽ được điều chỉnh thành mức lãi suất cho vay áp dụng đối với Khoản vay thông thường theo quy định của Bên Ngân hàng từng thời kỳ kể từ ngày quyết định, thỏa thuận, văn bản về việc nghỉ việc của Bên vay tại Công ty có hiệu lực. Trường hợp này, Bên vay không phải thanh toán Tiền lãi bổ sung cho Bên Ngân hàng; hoặc
  - Bên vay trả nợ khoản vay trước hạn. Trường hợp này, Bên vay không phải thanh toán Tiền lãi bổ sung cho Bên Ngân hàng. Ngoài việc phải thanh toán cho Bên Ngân hàng toàn bộ dư nợ gốc, lãi, các nghĩa vụ tài chính phát sinh khác (nếu có), Bên vay phải thực hiện thanh toán thêm một khoản tiền phí trả nợ trước hạn theo quy định của Bên Ngân hàng tại thời điểm trả nợ trước hạn.
- b) Trường hợp Bên vay nghỉ việc do Hợp đồng lao động đã ký giữa Bên vay và Công ty hết hiệu lực và Công ty không có nhu cầu ký tiếp Hợp đồng lao động mới, gia hạn Hợp đồng lao động đã ký với Bên vay hoặc các trường hợp nghỉ việc khác theo thỏa thuận giữa Công ty và Bên vay (không phải do Bên vay bị kỷ luật hoặc Bên vay đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động hoặc Công ty đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế theo quy định của pháp luật), Bên Ngân hàng sẽ xem xét, quyết định việc xử lý Khoản vay CBNV của Bên vay như sau:
  - i. Tiếp tục duy trì khoản vay, khi đó Khoản vay CBNV của Bên vay sẽ trở thành Khoản vay thông thường theo quy định tại Hợp Đồng này. Lãi suất cho vay áp dụng đối với Bên vay trong trường hợp này sẽ được điều chỉnh thành mức lãi suất cho vay áp dụng đối với Khoản vay thông thường theo quy định của Bên Ngân hàng từng thời kỳ kể từ ngày quyết định, thỏa thuận, văn bản về việc nghỉ việc của Bên vay tại Công ty có hiệu lực; hoặc Bên vay trả nợ Khoản vay CBNV trước hạn.
  - ii. Tùy thuộc vào thời điểm Bên vay nghỉ việc, Bên vay phải thực hiện các nghĩa vụ thanh toán như sau:
    - Nếu Bên vay nghỉ việc khi chưa hết Thời gian cam kết làm việc, Bên vay phải thanh toán cho Bên Ngân hàng khoản Tiền lãi bổ sung. Trường hợp Bên vay trả nợ Khoản vay CBNV trước hạn, ngoài việc phải thanh toán cho Bên Ngân hàng toàn bộ dư nợ gốc, lãi (bao gồm cả Tiền lãi bổ sung), các nghĩa vụ tài chính phát sinh khác (nếu có), Bên vay phải thực hiện thanh toán thêm một khoản tiền phí trả nợ trước hạn theo quy định của Bên Ngân hàng tại thời điểm trả nợ trước hạn.

- Nếu Bên vay nghỉ việc khi đã hết Thời gian cam kết làm việc, Bên vay không phải thanh toán Tiền lãi bổ sung cho Bên Ngân hàng. Trường hợp Bên vay trả nợ Khoản vay CBNV trước hạn, ngoài việc phải thanh toán cho Bên Ngân hàng toàn bộ dư nợ gốc, lãi, các nghĩa vụ tài chính phát sinh khác (nếu có), Bên vay phải thực hiện thanh toán thêm một khoản tiền phí trả nợ trước hạn theo quy định của Bên Ngân hàng tại thời điểm trả nợ trước hạn.
  - c) Trường hợp Bên vay nghỉ việc theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này và tại thời điểm quyết định nghỉ việc, sa thải của Bên vay (theo thông báo của Công ty) có hiệu lực và khoản vay của Bên vay đã bị chuyển quá hạn, các Bên thống nhất xử lý như sau: Bên vay thực hiện tất toán khoản vay trước hạn (Bên vay không được lựa chọn chuyển Khoản vay CBNV sang thành Khoản vay thông thường), trường hợp này, Bên vay có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ gốc, lãi, các khoản phí, Tiền lãi bổ sung và các nghĩa vụ tài chính phát sinh khác tương ứng như quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.
2. Cách thức xử lý trong trường hợp Khoản vay CBNV bị quá hạn:
- Ngoài việc Bên vay sẽ phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp Đồng này, Các Bên đồng ý rằng, nếu số ngày quá hạn trong 01 tháng là từ 10 ngày trở lên và Bên vay bị quá hạn trong vòng 03 tháng liên tiếp hoặc số ngày quá hạn liên tiếp trên 60 ngày thì vào tháng liền kề tiếp sau của khoảng thời gian quá hạn nêu trên, Khoản vay CBNV của Bên vay sẽ bị xử lý như sau:
- a) Trường hợp Khoản vay CBNV của Bên vay quá hạn trong Thời gian cam kết làm việc: Bên vay trả nợ khoản vay trước hạn, trong trường hợp này, Bên vay sẽ phải thanh toán phí trả nợ trước hạn theo quy định của Bên Ngân hàng đồng thời phải nộp toàn bộ khoản Tiền lãi bổ sung vào tài khoản thanh toán của Bên vay mở tại Bên Ngân hàng, khoản Tiền lãi bổ sung này sẽ bị Bên Ngân hàng tạm khóa và được xử lý như sau: Bên Ngân hàng sẽ chấm dứt tạm khóa khoản Tiền lãi bổ sung nếu Bên vay làm việc tại Công ty hết Thời gian cam kết làm việc; hoặc Bên Ngân hàng tự động trích thu khoản Tiền lãi bổ sung để thu toàn bộ khoản Tiền lãi bổ sung Bên vay có nghĩa vụ thanh toán nếu Bên vay nghỉ việc tại Công ty khi chưa hết Thời gian cam kết làm việc.
  - b) Trường hợp Khoản vay CBNV của Bên vay quá hạn xảy ra khi đã hết Thời gian cam kết làm việc: Bên vay trả nợ khoản vay trước hạn. Trường hợp này, ngoài việc phải thanh toán cho Bên Ngân hàng toàn bộ dư nợ gốc, lãi, các nghĩa vụ tài chính phát sinh khác (nếu có), Bên vay phải thực hiện thanh toán thêm một khoản tiền phí trả nợ trước hạn theo quy định của Bên Ngân hàng tại thời điểm trả nợ trước hạn. Trường hợp này, Bên vay không phải thanh toán Tiền lãi bổ sung cho Bên Ngân hàng.
3. Xử lý trong trường hợp Bên vay trả nợ Khoản vay CBNV trước hạn: Trường hợp Bên vay trả nợ khoản vay trước hạn (theo yêu cầu của Bên vay và Bên vay vẫn đang còn làm việc tại Công ty, không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này) khi chưa hết Thời gian cam kết làm việc, Bên vay phải nộp toàn bộ khoản Tiền lãi bổ sung vào tài khoản thanh toán của Bên vay tại Bên Ngân hàng và khoản Tiền lãi bổ sung này sẽ được Bên Ngân hàng tạm khóa cho đến hết Thời gian cam kết làm việc của Bên vay. Nếu Bên vay vi phạm

Cam kết làm việc lâu dài thì Bên Ngân hàng có quyền trích khoản Tiền lãi bổ sung để thu khoản Tiền lãi bổ sung mà Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng. Nếu Bên vay thực hiện đúng Cam kết làm việc lâu dài, Bên Ngân hàng sẽ chấm dứt tạm khóa khoản Tiền lãi bổ sung sau khi hết Thời gian cam kết làm việc.

4. Trường hợp xảy ra sự kiện chuyển Khoản vay CBNV của Bên vay thành Khoản vay thông thường, Bên vay có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các hồ sơ chứng minh khả năng tài chính và các hồ sơ, tài liệu khác theo yêu cầu của Bên Ngân hàng để Bên Ngân hàng xem xét, quyết định. Nếu theo quyết định của Bên Ngân hàng, Bên vay không đủ điều kiện để duy trì khoản vay tại Bên Ngân hàng thì Bên vay có trách nhiệm trả nợ khoản vay trước hạn và thanh toán toàn bộ gốc, lãi, phí (bao gồm cả khoản phí trả nợ trước hạn theo quy định của Bên Ngân hàng), phạt (nếu có), khoản Tiền lãi bổ sung cho Bên Ngân hàng phù hợp quy định tại Hợp Đồng này.
5. Khi xảy ra sự kiện chuyển Khoản vay CBNV của Bên vay thành Khoản vay thông thường, trong khoảng thời gian nhất định được Bên Ngân hàng yêu cầu, nếu Bên vay chưa hoàn thành các thủ tục để tiếp tục duy trì các khoản vay tại Bên Ngân hàng, Bên vay có trách nhiệm thực hiện trả nợ trước hạn cho Bên Ngân hàng và thanh toán phí trả nợ trước hạn theo quy định tại Hợp Đồng này cho Bên Ngân hàng.
6. Trong thời gian kể từ (và bao gồm) ngày Bên vay phải trả nợ trước hạn Khoản vay CBNV hoặc phải chuyển Khoản vay CBNV thành Khoản vay thông thường, Lãi suất cho vay áp dụng đối với Khoản vay CBNV của Bên vay được điều chỉnh thành mức lãi suất cho vay áp dụng đối với Khoản vay thông thường theo quy định của Bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh.
7. Bên vay và Bên Ngân hàng đồng ý rằng, việc quản lý và xử lý khoản vay của Bên vay theo Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn việc yêu cầu Bên vay thanh toán khoản Tiền lãi bổ sung; chuyển Khoản vay CBNV thành Khoản vay thông thường; điều chỉnh lãi suất; Bên vay trả nợ trước hạn; chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, ... sẽ được Bên Ngân hàng thực hiện trên cơ sở thông báo, xác nhận, thông tin, tài liệu từ Công ty và quy định của Bên Ngân hàng. Bên Ngân hàng không có nghĩa vụ phải xác minh các thông báo, xác nhận, thông tin, tài liệu do Công ty cung cấp và không phải thông báo cho Bên vay trừ các trường hợp cụ thể được quy định tại Hợp Đồng này. Các vấn đề liên quan đến quan hệ lao động giữa Bên vay và Công ty (có liên quan đến việc quản lý, xử lý khoản vay của Bên vay theo quy định tại Hợp Đồng này) Bên vay có trách nhiệm chủ động trao đổi, làm việc với Công ty để xử lý theo quy định của Công ty và pháp luật.

#### **Điều 5. Biện Pháp Bảo Đảm Tiền Vay**

1. Để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên vay theo Hợp Đồng này, Các Bên thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau đây:
  - a) Thế chấp bằng .....
  - b) Cầm cố bằng .....
  - c) Bảo lãnh của .....
  - d) Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa Bên Ngân hàng với Bên vay

và/hoặc Bên thứ ba (nếu có).

- Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể trong các tài liệu sau đây được ký kết giữa Bên Ngân hàng với Bên vay và/hoặc Các Bên liên quan: (i) Hợp Đồng bảo đảm (thẻ chấp/cầm cố/bảo lãnh) số ..... ký ngày...../...../.....; (ii) các Hợp Đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp Đồng này; và (iii) các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp Đồng bảo đảm nêu trên.
- Các Bên đồng ý rằng, trường hợp có sự thay đổi về tài sản bảo đảm, bao gồm việc bổ sung, rút bớt, thay thế tài sản bảo đảm, Các Bên có thể lựa chọn ký kết hoặc không ký kết Phụ lục Hợp Đồng hoặc bất kỳ văn bản thỏa thuận nào để ghi nhận các thay đổi của Hợp Đồng này.

## **Điều 6. Áp Dụng Điều Kiện Giao Dịch Chung**

Bằng việc ký vào Hợp Đồng này, Bên vay xác nhận rằng:

- Điều Kiện Giao Dịch Chung là một Phụ lục gắn liền, không tách rời của Hợp Đồng này và cùng với Hợp Đồng này, Khế ước nhận nợ, các Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) tạo thành một Thỏa thuận cho vay, có giá trị ràng buộc giữa Bên vay và Bên Ngân hàng.
- Đã nhận, đọc, được tư vấn, giải thích đầy đủ, hiểu rõ và chấp nhận, cam kết tuân thủ các điều khoản của Điều Kiện Giao Dịch Chung được VPBank niêm yết trên website <http://www.vpbank.com.vn>, tại Quầy giao dịch và trên các phương tiện khác theo quy định của VPBank từng thời kỳ. Điều kiện giao dịch chung được coi là Phụ lục không tách rời của Hợp đồng.
- Hợp đồng này và Điều Kiện Giao Dịch Chung bảo đảm được sự bình đẳng giữa Bên vay và Bên Ngân hàng trong giao dịch này, theo đó Bên vay đồng ý chấp nhận các điều khoản và điều kiện tại Điều Kiện Giao Dịch Chung, bao gồm cả các điều khoản về miễn trách nhiệm của mỗi Bên, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bất kỳ Bên nào.
- Bên Ngân hàng có thể sửa đổi, điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của Điều Kiện Giao Dịch Chung trên cơ sở bảo đảm việc sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật. Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay các nội dung sửa đổi, điều chỉnh này bằng một trong các phương thức phù hợp với quy định tại Hợp Đồng này và Điều Kiện Giao Dịch Chung.

## **Điều 7. Điều Khoản Thi Hành**

- Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày được Bên sau cùng ký vào Hợp Đồng cho đến khi Bên vay thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với Bên Ngân hàng.
- Bằng việc ký kết Hợp Đồng này, Bên vay xác nhận rằng Bên vay đã được Bên Ngân hàng cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến khoản vay trước khi xác lập Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin như lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định; thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi tiền vay; loại phí và mức phí; thông tin về Hợp Đồng này và Điều Kiện Giao Dịch Chung, ...
- Hợp Đồng này được lập thành .... bản, có giá trị pháp lý như nhau, Bên vay giữ ..... bản, Bên

Ngân hàng giữ ..... bản.

4. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp Đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng Bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên dưới đây.

**Ngày ... tháng ... năm ...**

**BÊN VAY**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ngày ... tháng ... năm ...**

**ĐẠI DIỆN BÊN NGÂN HÀNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MẪU BIỂU

1. **Trường hợp áp dụng:** Mẫu biểu này được sử dụng cho trường hợp VPBank cho vay từng lần đối với KHCN vay vốn theo Quy định cho vay đối với khách hàng là cán bộ nhân viên tại các công ty được Tổng Giám đốc phê duyệt.
2. **Nội dung Hợp Đồng:**
  - a) Phần Các Bên trong Hợp Đồng: Đơn vị hoàn thiện các thông tin về Bên Cho Vay, Bên Vay vào các phần để trống tương ứng tại phần đầu Hợp Đồng. **Lưu ý:** Trường hợp VPBank có quy định nội bộ về việc cho phép Bên vay được ủy quyền cho người khác ký Hợp Đồng và Bên vay không tự ký Hợp Đồng thì phải yêu cầu Bên vay cung cấp Văn bản ủy quyền hợp lệ cho người khác ký Hợp Đồng.
  - b) Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4, Khoản 5, Điều 1: Đơn vị hoàn thiện thông tin liên quan theo đúng nội dung chính sách/Nghị quyết phê duyệt.
  - c) Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Điều 2: Đơn vị hoàn thiện thông tin khoản vay theo đúng Nghị quyết phê duyệt.
  - d) Khoản 4, Điều 4: Đơn vị hoàn thiện nội dung về Thời hạn rút vốn lần đầu theo thứ tự sau đây: Nghị quyết phê duyệt, Sản phẩm, Chính sách, hướng dẫn của VPBank từng thời kỳ. Ngày được điền tại nội dung này là ngày cuối cùng của thời hạn giải ngân lần đầu được ghi nhận tại Nghị quyết phê duyệt theo *Hướng dẫn xác định hiệu lực Thời hạn giải ngân, Phát hành bảo lãnh, L/C theo các Nghị quyết/Quyết định phê duyệt tín dụng số 29/2013/HD-TGD và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)*, trừ trường hợp Sản phẩm, Chính sách, hướng dẫn của VPBank từng thời kỳ có quy định/hướng dẫn khác.
  - e) Khoản 7, Điều 2: Lãi suất sẽ được quy định trong Khế ước nhận nợ. Với nội dung liên quan đến lãi suất điều chỉnh không được quy định trong Khế ước nhận nợ thì sẽ được quy định tại Hợp Đồng và trong các Phụ lục Hợp Đồng (nếu có).
  - f) Khoản 12 Điều 2: Trường hợp Nghị quyết phê duyệt có phê duyệt các điều khoản khác cần bổ sung vào Hợp Đồng và/hoặc các trường hợp khác mà theo quy định cần bổ sung thêm các nội dung khác vào Hợp Đồng thì Đơn vị quy định các nội dung này tại Khoản 13, Điều 2 của Hợp Đồng. Trường hợp không có nội dung cần bổ sung, Đơn vị bỏ Khoản này đi trước khi ký kết với Khách hàng.
  - g) Điều 3:
    - Đơn vị ghi nhận đầy đủ thông tin về Tài sản bảo đảm cho khoản vay, Hợp Đồng bảo đảm đã ký vào các nội dung để trống tương ứng trong Điều này.
    - **Lưu ý:** Trường hợp có sự thay đổi về TSBD bao gồm việc bổ sung, rút bớt, thay thế TSBD, các Đơn vị không cần phải lập Phụ lục Hợp Đồng cho vay hoặc bất kỳ tài liệu nào để ghi nhận các thay đổi này, trừ trường hợp Khách hàng (Bên vay/Bên bảo đảm) yêu cầu.
  - h) Khoản 3, Điều 7: Trường hợp Hợp Đồng này được công chứng, Đơn vị lưu ý ghi nhận số lượng bản Hợp Đồng và chỉnh sửa lại nội dung này cho phù hợp theo hướng ngoài số bản

giao cho Bên vay và VPBank, 01 bản sẽ được giao cho Văn phòng Công chứng.

**3. Hướng dẫn khác:**

Trước khi in Hợp Đồng để ký kết với Bên vay, phải kiểm tra lại thật kỹ nội dung của Hợp Đồng, làm theo đúng chỉ dẫn tại các foot-note (nếu có) và phần Hướng dẫn, sau đó xóa hết các foot-note (nếu có), xóa phần ký hiệu mẫu biểu và phần Hướng dẫn.